

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GT, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Phước Lộc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hoàng Hải

2. Ông Huỳnh Cường

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Hoàng Thân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Khương Hoài Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

***2. Bị đơn:*** Bà Trần Thị H, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã Tân K, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Ngọc A trình bày: Ông Ngọc A và bà Trần Thị H chung sống vào năm 1994 có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và cả hai bên đều có gia đình khác. Ông Đỗ Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề

sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Ngọc A xin ly hôn với bà Trần Thị H.

Về quan hệ con chung: Ông Đỗ Ngọc A và Trần Thị H có 02 con chung là cháu Đỗ Ngọc N; sinh năm: 1996; giới tính Nam và cháu Đỗ Thị Thùy D; sinh năm 1998; giới tính Nữ. Do các cháu đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên ông Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên ông Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 23/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị H khai: Bà H và ông Đỗ Ngọc A chung sống với nhau vào năm 1994, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo theo định pháp luật. Bà H có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì bà H và ông Ngọc A đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Về quan hệ con chung: Bà H và ông Ngọc A có 02 con chung là cháu Đỗ Ngọc N; sinh năm: 1996; giới tính Nam và cháu Đỗ Thị Thùy D; sinh năm 1998; giới tính Nữ. Do các cháu đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; Đảm bảo đúng quy định về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận Ông Đỗ Ngọc A và bà Trần Thị H là vợ chồng;

- Về quan hệ con chung: Do các con đã trưởng thành nên ông, bà không có yêu cầu gì nên không xem xét;

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đỗ

Ngọc A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị H. Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị H có nơi cư trú tại ấp K, xã Tân K, huyện GT, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

### **Về nội dung:**

[2] Về hôn nhân: Ông Đỗ Ngọc A và bà Trần Thị H đều thừa nhận chung sống với nhau vào năm 1994 nhưng cho đến nay ông, bà vẫn không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**Khoản 1 Điều 14 quy định:** “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”.

Do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Ngọc A và bà Trần Thị H không phải quan hệ vợ chồng. Vì vậy HĐXX nhận thấy cần tuyên bố quan hệ giữa ông Ngọc A và bà H không phải là quan hệ vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Ông Đỗ Ngọc A và Trần Thị H có 02 con chung là cháu Đỗ Ngọc N; sinh năm: 1996; giới tính Nam và cháu Đỗ Thị Thùy D; sinh năm 1998; giới tính Nữ. Do các cháu đã trưởng thành nên ông, bà không có yêu gì. Nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Đỗ Ngọc A và bà Trần Thị H không có tài sản chung nên HĐXX không xét.

[5] Về nợ chung: Ông Đỗ Ngọc A và bà Trần Thị H không có nợ chung nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí: Ông Đỗ Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật. *Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố ông Đỗ Ngọc A và bà Trần Thị H không phải là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Do các con đã trưởng thành, ông Ngọc A và bà H không có yêu cầu gì nên không xem xét

3. Về quan hệ tài sản: Không có, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

5. Về án phí: Ông Đỗ Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009895 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/4/2021);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện GT;
- CC THA DS huyện GT;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Phước Lộc**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND H. GT;
- Chi cục THADDH H. GT;
- UBND xã .....;
- Những người TGTT,
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Phước Lộc**